

Số: /BC-SNNMT

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên và Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông, cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về việc triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Kết luận số 163-KL/TW ngày 06/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ khi sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Trong giai đoạn 2021–2025, ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk đạt nhiều kết quả quan trọng, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và ngày càng khẳng định vai trò trong phát triển kinh tế – xã hội. Hệ thống khuyến nông đã phát huy hiệu quả vai trò cầu nối, kịp thời đưa chủ trương, định hướng của ngành nông nghiệp vào thực tiễn sản xuất; thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, hình thành các mô hình sản xuất hiệu quả và cải thiện thu nhập của nông dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Qua đó, thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát

triển bền vững gắn với xây dựng nền kinh tế xanh; tăng cường khả năng chống chịu thiên tai, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, ổn định kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội tham gia chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Nghị quyết

Thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tỉnh Phú Yên (trước đây) theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; Trung tâm Khuyến nông – Giống cây trồng vật nuôi và Thủy sản tỉnh Đắk Lắk (cũ) đã tham mưu HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; đã tham mưu UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông và phát triển giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản giai đoạn 2021 - 2025; Trung tâm Khuyến nông tỉnh Phú Yên (trước đây) đã tham mưu HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đã tham mưu UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành các Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình Khuyến nông giai đoạn năm 2021-2025, Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình Khuyến nông tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình Khuyến nông tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình Khuyến nông tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025. Theo đó, các Sở, ngành, địa phương đã chủ động tham mưu, xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể nhằm triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công tác khuyến nông và phát triển giống có hiệu quả và chất lượng.

2. Công tác thông tin tuyên truyền

2.1. Tỉnh Đắk Lắk (cũ):

- Xây dựng và phát sóng các phóng sự, chuyên đề đồng hành và chia sẻ

(trung bình 01 số/tháng), đưa tin trên đài phát thanh, truyền hình từ tỉnh đến huyện, xã; viết bài đăng báo, tạp chí khoa học, khuyến nông; in ấn tờ rơi, quy trình kỹ thuật phát cho người dân thông qua các phương tiện truyền thông của Trung ương (Bộ Nông nghiệp và PTNT; Khuyến nông quốc gia <https://khuyennongvn.gov.vn...>); tỉnh Đắk Lắk như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Đắk Lắk; Cổng thông tin điện tử của tỉnh (<https://daklak.gov.vn>) hiện có hơn 54,7 triệu lượt người truy cập; Sở Nông nghiệp và PTNT; Trung tâm Khuyến nông tỉnh <https://www.khuyennongdaklak.com.vn> hiện có hơn 6,5 triệu lượt truy cập và các kênh phương tiện thông tin đại chúng khác (Facebook...). Đồng thời, đã in ấn và cấp phát 14.888 tờ tin khuyến nông, tờ rơi hướng dẫn kỹ thuật đảm bảo sinh động, dễ hiểu, dễ áp dụng, cấp phát 312 cuốn sách kỹ thuật nông nghiệp cho nông dân.

- Đã tổ chức 127 hội nghị, hội thảo về nông nghiệp, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn với 5.510 lượt người tham dự; đã tổ chức thành công 02 Hội thảo phát triển cà phê và 02 Hội thi Nhà nông đua tài tại Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuật năm 2023 và năm 2025 với sự tham gia của nông dân các tỉnh có trồng cà phê (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Lâm Đồng, Sơn La), là sân chơi bổ ích, thiết thực nâng cao kiến thức và năng lực cho nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, góp phần đẩy mạnh phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT (Trung tâm Khuyến nông Quốc gia) tổ chức các diễn đàn khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

2.2. Tỉnh Phú Yên (trước đây):

- Hằng năm, xây dựng sự kiện truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (Báo Phú Yên, Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Yên) xây dựng 82 chuyên mục tuyên truyền hoạt động khuyến nông trên báo viết và 83 chuyên mục tuyên truyền trên sóng phát thanh Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Yên (đạt 100 % so với kế hoạch).

- Xây dựng 19 chuyên mục “Bạn Nhà Nông”, các nội dung các chuyên mục thực hiện phong phú, đa dạng, đặc biệt là các vấn đề thời sự của ngành nông nghiệp theo từng thời điểm phát sóng.

- Xây dựng 01 chuyên mục “Nông nghiệp xanh” phát sóng trên kênh truyền hình VTV8 với 06 chuyên đề các nội dung liên quan đến thực tế sản xuất nông nghiệp, phát triển chuyển đổi số, đăng ký mã vùng trồng, phát triển hàng hóa, sản phẩm OCOP, phát triển nông nghiệp gắn kết với du lịch cộng đồng...; chương trình có sự trao đổi của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và bà con nông dân... thông qua hình thức phỏng vấn, trao đổi hỏi đáp, ghi nhận thực tế tại địa phương. Chuyên mục “Nông nghiệp xanh” đã chuyển tải thông tin, giúp nông dân có cái nhìn tổng thể hơn về hoạt động sản xuất nông nghiệp; phổ biến kiến thức và tiến bộ khoa học mới trong lĩnh vực nông nghiệp, giúp nông dân cập nhật công nghệ và kỹ thuật sản xuất tiên tiến, từ đó nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Các chuyên gia và tổ chức liên quan đối thoại, chia sẻ kinh nghiệm và giải đáp thắc mắc, nhằm cải thiện chất lượng, hiệu quả sản xuất, thúc

đẩy sự kết nối giữa các nông dân, tổ chức và cơ quan chức năng góp phần xây dựng nền nông nghiệp tỉnh nhà ngày càng phát triển. Bên cạnh đó, chuyên mục “Nông nghiệp xanh” được đăng tải trên các nền tảng mạng xã hội (Youtube, Facebook của VTV8 - Đài truyền hình Việt Nam) để giúp người dân chủ động xem lại các nội dung đã phát sóng.

- Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử Khuyến nông <https://khuyennongpy.org.vn/> hiện có hơn 2,4 triệu lượt truy cập, từ năm 2021 đến ngày 30/7/2025 đã cập nhật trên 500 tin, bài, hỏi đáp khuyến nông, văn bản chỉ đạo điều hành, nội dung tổng hợp, dự báo khí tượng thủy văn, giá cả thị trường

- Về tổ chức các cuộc Hội nghị, Hội thảo chuyên đề nông nghiệp cho nông dân tại các địa phương trong tỉnh: Từ năm 2021-2025, tỉnh đã tổ chức được 07 cuộc với 779 đại biểu tham dự (đạt 78% so với kế hoạch) với các nội dung như “Nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của cây mía”, “Ứng dụng cơ giới hóa và tưới nước tiết kiệm trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Tuy An”; “Ứng dụng cơ giới hóa và tưới nước tiết kiệm trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Tây Hòa”; “Giải pháp nâng cao giá trị sản phẩm từ cây sen”, “Ứng dụng cơ giới hóa và tưới nước tiết kiệm trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Sông Hinh”, “Giải pháp nuôi trồng và phát triển thủy sản bền vững”, “Một số giải pháp chăn nuôi gia cầm bền vững”.

Thông qua các cuộc hội nghị, hội thảo người nông dân có cơ hội cùng các nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà quản lý,... thảo luận, đánh giá và đưa ra một số giải pháp, quy trình để sản xuất hiệu quả, tiến đến nâng cao chất lượng, sản lượng các sản phẩm nông nghiệp từ cây, con, cơ giới hóa... phù hợp với nhu cầu thị trường, điển hình như tại Hội nghị “Một số giải pháp chăn nuôi gia cầm bền vững” đã giới thiệu giống vịt thịt cao sản và một số chế phẩm sinh học mới trong chăn nuôi như: Các sản phẩm men vi sinh, thức ăn, dinh dưỡng an toàn sinh học, gửi sản phẩm mẫu cho một số hộ dân và có đánh giá hiệu quả vào cuối chu kỳ sử dụng. Đồng thời, hội nghị còn là nơi kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp ra thị trường; Thảo luận một số nội dung khác nhằm phát triển sản phẩm OCOP kết hợp du lịch của các địa phương trong tỉnh.

3. Công tác bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

3.1. Tỉnh Đăk Lăk (cũ):

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã tổ chức 1.539 lớp tập huấn cho 46.960 cán bộ khuyến nông, khuyến nông viên cơ sở, nông dân, HTX, doanh nghiệp (dân tộc thiểu số chiếm 30%) gồm: 50 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông, chiếm 3,3% tổng số lớp tập huấn (trong đó, Khuyến nông cấp tỉnh tổ chức 17 lớp cấp tỉnh cho 349 lượt người tham dự và cấp huyện thực hiện 33 lớp cho 697 lượt người); 1.489 lớp tập huấn cho nông dân, doanh nghiệp, HTX (Khuyến nông cấp tỉnh tổ chức 117 lớp với 2.950 lượt người, khuyến nông cấp huyện tổ chức hơn 1.287 lớp với 40.167 lượt người, các chương trình dự án khác thực hiện 85 lớp với 2.797 lượt người tham dự). Tổ chức 05 chuyên tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình tiêu biểu, các gương điển hình tiên tiến trong

sản xuất nông nghiệp ở trong và ngoài tỉnh cho cán bộ khuyến nông và nông dân.

3.2. Tỉnh Phú Yên (trước đây):

- Đã tổ chức được 128 lớp với 4.590 nông dân tham dự (đạt 100 % so với kế hoạch), với các nội dung như: “Kỹ thuật chăn nuôi dê sinh sản, Kỹ thuật trồng cây lúa nước theo hướng bền vững, kỹ thuật phòng, trị bệnh cho trâu, bò; kỹ thuật trồng thâm canh cây cam, mít, mía; kỹ thuật trồng và chăm sóc cây keo lai; sử dụng phân chuồng, phụ phẩm trong nông nghiệp, kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản...”.

- Đã tổ chức được 08 chuyến đi học tập các mô hình sản xuất tiên tiến tại các tỉnh bạn với 130 người tham dự (trong đó có 04 chuyến dành cho cán bộ làm công tác khuyến nông vào các năm 2022, 2023, 2024, 2025 và 04 chuyến dành cho đối tượng là nông dân trong năm 2024 và 2025) (đạt 80% so với kế hoạch).

- Song song đó, đã tổ chức tốt 70 lớp tập huấn kỹ thuật ngay tại hiện trường với 2004 nông dân tham dự (đạt 79% so với kế hoạch). Các nội dung tập huấn chủ yếu như “Các phương pháp ủ, sử dụng phân chuồng và phụ phẩm nông nghiệp; Thực hành tốt và an toàn sinh học trong chăn nuôi gà thịt quy mô vừa và nhỏ; hướng dẫn, thực hành kỹ thuật ủ chua dự trữ thức ăn và chế biến phối trộn thức ăn cho bò; Kỹ thuật nhân giống và chăm sóc cây ăn quả; hướng dẫn làm đệm lót, phòng và trị bệnh cho gà theo hướng an toàn sinh học...”.

- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông: Lũy kế đã tổ chức 3/3 lớp với 90 học viên tham gia.

- Tập huấn đào tạo nâng cao năng lực cho nông dân: Đã tổ chức 22 lớp với 770 học viên tham gia, đạt 100% theo kế hoạch đề ra.

- Tập huấn tại hiện trường (FFS): Đã tổ chức 20 lớp với 595 học viên tham gia, đạt 100% theo kế hoạch đề ra.

Riêng từ đầu năm 2025 đến nay, theo kế hoạch triển khai đã tổ chức 27 lớp tập huấn tại hiện trường (FFS) cho 804 lượt nông dân; Tập huấn đào tạo 22 lớp nâng cao năng lực cho nông dân với 770 học viên tham gia; Tập huấn 03 lớp nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông với 90 học viên tham gia. Phương pháp tập huấn trực quan, sinh động, phương thức “cầm tay chỉ việc”, phương pháp đánh giá kiểm tra kiến thức tiếp thu nội dung bài học của người học. Qua các lớp đào tạo, tập huấn đã nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ gắn với phổ biến và hướng dẫn kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đi sâu hướng dẫn giúp nông dân tiếp cận các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, sản xuất theo chuỗi giá trị,

Bên cạnh đó, các chuyến đi học tập ngoài tỉnh thực tế có ý nghĩa rất thiết thực, không những giúp đội ngũ cán bộ khuyến nông được học hỏi những phương pháp mới trong thực hiện công tác và cách tổ chức các mô hình khuyến nông bên cạnh đó đối với nông dân khi trực tiếp “mắt thấy, tai nghe, tay sờ” đã

tiếp thu được rất nhiều cách làm hay, những kiến thức, kinh nghiệm hữu ích, các học viên được trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm, giúp nông dân chọn lọc các mô hình hiệu quả, phù hợp để áp dụng vào địa phương, các phương thức canh tác mới, các phương pháp thực hiện nhằm tăng năng suất, giảm thiểu tác động và thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu, nâng cao nhận thức việc áp dụng chuyên đổi số vào sản xuất và xúc tiến thương mại, từng bước xây dựng được các mô hình phát triển kinh tế phù hợp và hiệu quả tại tỉnh.

Công tác đào tạo tập huấn khuyến nông tập trung vào đào tạo kiến thức kỹ thuật sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh phục vụ chuyên đổi cơ cấu sản xuất tại các vùng sản xuất hàng hóa trọng điểm gắn với thị trường. Nội dung đào tạo, tập huấn khuyến nông phong phú, phù hợp với nhu cầu của các đối tượng tập huấn. Học viên nắm vững được các kiến thức và kỹ năng để áp dụng vào sản xuất thực tế. Phương pháp tập huấn luôn được đổi mới theo phương pháp đào tạo theo hướng lấy học viên làm trung tâm, đào tạo cho người lớn tuổi, phát huy vai trò chủ động của học viên trong học tập, tăng thời lượng thực hành, phát huy kinh nghiệm sản xuất của nông dân trong các lớp học. Hình thức đào tạo, tập huấn khuyến nông cũng không ngừng cải tiến theo hướng đa dạng, linh hoạt phù hợp với đối tượng, nội dung và từng điều kiện thực tế cụ thể.

4. Công tác xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn

4.1. Tỉnh Đắk Lắk (cũ):

Đã xây dựng 113 mô hình khuyến nông, đạt 50,2% kế hoạch (trong đó, Trung tâm Khuyến nông tỉnh triển khai 49 mô hình, chiếm 43,3% tổng số mô hình; các huyện (Ea Súp, Ea H'leo, Krông Pắc, Krông Năng, Buôn Đôn, Ea Kar, Cư M'gar) thực hiện 64 mô hình, chiếm 56,7% tổng số mô hình) chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, giống cây trồng, vật nuôi tập trung liên vùng, trọng điểm phù hợp với điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng từng vùng gắn với quản lý, sử dụng đất hiệu quả vào sản xuất, tổ chức sản xuất theo hướng cánh đồng lớn, thiết bị công nghệ, các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh theo chuỗi giá trị, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, định hướng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo VietGAP, nông nghiệp hữu cơ, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu (quy trình thâm canh, quản lý dịch hại tổng hợp,...) gắn với chuỗi giá trị, thị trường tiêu thụ; trong đó ưu tiên mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

a) Mô hình khuyến nông do Trung tâm Khuyến nông – Giống cây trồng vật nuôi và Thủy sản thực hiện:

- Về cây lương thực: Đã xây dựng 06 mô hình (chiếm 5,3% tổng số mô hình) với hơn 60 ha cho khoảng 187 hộ tham gia gồm: Xây dựng 05 mô hình trồng thâm canh giống lúa thuần chất lượng cao, sản xuất tập trung theo mô hình cánh đồng mẫu lớn, theo hướng hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu, năng suất đạt trung bình 8 tấn/ha. Xây dựng 01 mô hình sử dụng giống mới sạch bệnh, quản lý dịch hại tổng hợp IPM trên cây sắn.

- Về cây công nghiệp chủ lực của tỉnh: đã xây dựng 27 mô hình (chiếm 23,9% tổng số mô hình) với quy mô hơn 200 ha cho khoảng 245 hộ nông dân tham gia mô hình, phát triển cây lâm nghiệp, cây hương liệu theo hướng sản xuất bền vững tập trung chuyên giao các tiến bộ về giống chủ yếu về các loại cây cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, điều, ca cao, macca, chuối, nhãn tạo năng suất, chất lượng cao, canh tác sản xuất theo hướng bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu đạt hiệu quả.

- Về chăn nuôi: Xây dựng 10 mô hình (chiếm 8,9% tổng số mô hình) với quy mô hơn 7.888 con vật nuôi (dê, gà) cho 49 hộ nông dân nhằm chuyên giao tiến bộ kỹ thuật mới, quy trình quản lý tiên tiến trong chăn nuôi, quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, an toàn sinh học, đảm bảo an toàn thực phẩm, xử lý chất thải chăn nuôi bằng đệm lót sinh học, công trình khí sinh học, phát triển đồng cỏ chăn nuôi, ngô sinh khối sử dụng thức ăn không sử dụng chất phụ gia và kháng sinh, chất kích thích tăng trọng nhằm giảm giá thành sản phẩm và đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao nhận thức của người chăn nuôi trong việc thực hiện vệ sinh thú y và phòng chống dịch bệnh nguy hiểm, góp phần phát triển chăn nuôi bền vững.

- Về thủy sản: Xây dựng 04 mô hình thủy sản (chiếm 3,5% tổng số mô hình) ứng dụng, chuyên giao các tiến bộ kỹ thuật về nuôi cá lồng bè, ao hồ và một số đối tượng thủy sản có giá trị theo hướng VietGAP, liên kết chuỗi giá trị... nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị, giảm thiểu đến tác động môi trường sinh thái và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Ứng dụng công nghệ cao gắn với hoạt động khuyến nông đô thị: Xây dựng 02 mô hình (chiếm 1,8% tổng số mô hình) ứng dụng công nghệ cao gắn với hoạt động khuyến nông đô thị theo hướng sản xuất bền vững, liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ sản phẩm. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp là bước đột phá, tạo tiền đề hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa quy mô lớn, cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng cho xã hội, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ở các vùng trong và ven các khu vực thành phố, thị xã, thị trấn, góp phần đẩy mạnh hoạt động Khuyến nông đô thị. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng để thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, hiện đại.

Hiện nay, việc ứng dụng công nghệ cao trong trồng rau và hoa hiện đang được phát triển, đặc biệt là ở vùng trong và ven các khu vực thành phố, thị xã, thị trấn nhưng còn mang tính tự phát, nhỏ lẻ. Thông qua các mô hình Khuyến nông, kết hợp ứng dụng quản lý nước tưới, bón phân, phòng trừ sâu bệnh hại và các yếu tố môi trường trong nhà màng, nhà kính cho cây trồng đạt hiệu quả cao.

- Bên cạnh đó, tỉnh Đắk Lắk luôn được sự quan tâm, hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến nông trung ương triển khai 01 dự án sản xuất cà phê theo hướng hữu cơ có truy xuất nguồn gốc và liên kết chuỗi giá trị; 01 dự án xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả theo VietGAP phục vụ phát triển vùng nguyên liệu gắn với liên kết tiêu thụ tại một số tỉnh Tây Nguyên.

b) Mô hình khuyến nông do các địa phương thực hiện (Ea Súp, Ea H'leo,

Krông Pắc, Krông Năng, Buôn Đôn, Ea Kar, Cư M'gar)

Khuyến nông cấp huyện là một phần trong hệ thống khuyến nông của tỉnh nhằm hỗ trợ nông dân tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương. Giai đoạn 2021-2025, theo báo cáo của các địa phương (Ea Súp, Ea H'leo, Krông Pắc, Krông Năng, Buôn Đôn, Ea Kar, Cư M'gar) đã triển khai 64 mô hình khuyến nông tập trung phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, chiếm 56,7% tổng số mô hình, gồm: 20 mô hình cây lương thực, 19 mô hình phát triển cây công nghiệp chủ lực, 18 mô hình chăn nuôi, 04 mô hình thủy sản và 03 mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, khuyến nông đô thị.

Thông qua đó, các chương trình khuyến nông địa phương đã góp phần thực hiện có hiệu quả công tác khuyến nông của tỉnh, tạo điều kiện cho người sản xuất tiếp cận và sử dụng các giống năng suất, chất lượng cao và kỹ thuật canh tác mới để nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho người sản xuất.

4.2. Tỉnh Phú Yên (trước đây)

Đã triển khai thực hiện 34/58 mô hình đạt tỉ lệ 58,6 % kế hoạch nhằm chuyển giao các ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trong đó, tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh, ưu tiên phát triển các chương trình, mô hình đầu tư phát triển giống cây, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu với dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu, các đối tượng nuôi đặc trưng, có giá trị kinh tế và ứng dụng rộng rãi cơ giới hoá vào sản xuất, thúc đẩy việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh do Trung tâm Khuyến nông tỉnh Phú Yên triển khai thực hiện 34 mô hình có hiệu quả cao, cụ thể như sau:

- Về trồng trọt: Xây dựng 11 mô hình (chiếm 32,4% tổng số mô hình), cho khoảng 374 hộ nông dân tham gia cụ thể: Mô hình trồng thâm canh bưởi theo GAP 2018-2021 với quy mô 03 ha, mô hình trồng thâm canh cây mít 2019-2022 với quy mô 4,5 ha, mô hình sản xuất lúa chất lượng với quy mô 64 ha, mô hình cơ giới hóa hỗ trợ công cụ gieo hạt với quy mô 20 công cụ, mô hình hỗ trợ máy làm đất đa năng với quy mô 22 máy, mô hình trồng thâm canh mía với quy mô 10 ha, mô hình tưới nhỏ giọt quán gốc cho cây ăn quả các loại với quy mô 2 ha/2 bộ thiết bị tưới, mô hình trồng rừng thâm canh keo lai vô tính (trồng rừng gỗ lớn) với quy mô 20 ha. Việc triển khai các mô hình đã tiếp tục đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp; thay đổi tập quán canh tác thủ công sang sản xuất bằng máy cơ giới, thiết bị tiên tiến, hiện đại, chất lượng, mang lại hiệu quả kinh tế cho nông dân; góp phần thực hiện: Đề án xây dựng vùng cây ăn quả gắn với chế biến hàng hóa, xây dựng thương hiệu sản phẩm đến năm 2030 tại Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh; đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo tỉnh Phú Yên đến 2025, tầm nhìn đến 2030 theo Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh; triển khai thực hiện đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Phú Yên tại Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh.

- Về chăn nuôi: Xây dựng 10 mô hình (chiếm 29,4% tổng số mô hình) cho

khoảng 361 hộ nông dân tham gia với quy mô 66 tấn rơm, cỏ để chế biến và dự trữ thức ăn cho gia súc nhai lại, 301 con bò vỗ béo, 117 máy thái cỏ đa năng nhằm thay thế những phương thức sản xuất truyền thống sang ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất giúp cải thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

- Về thủy sản: Xây dựng 13 mô hình (chiếm 38,2% tổng số mô hình) cho khoảng 34 hộ nông dân tham gia, với quy mô 1.450 m² diện tích nuôi chình thương phẩm trong ao đất, 178 m² diện tích nuôi chình thương phẩm trong bể xi măng, 928 m² diện tích nuôi lươn thương phẩm trong bể, 3.300 m² diện tích nuôi cá mú (cá song) thương phẩm trong ao đất, 42.000 m² diện tích nuôi cua biển thương phẩm, 1.800 m² diện tích nuôi cá thát lát thương phẩm, 2.800 m² diện tích nuôi cá rô phi thương phẩm. Các mô hình đã góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, đa dạng hóa các đối tượng nuôi thủy sản tại địa phương, ứng dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, con giống mới nhằm tăng năng suất và hiệu quả kinh tế cho người nông dân.

4.3. Đánh giá chung về các mô hình khuyến nông

Kết quả mô hình khuyến nông chính là tiền đề cho việc phát triển các vùng sản xuất tập trung, hình thành chuỗi liên kết sản xuất từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản. Công tác xây dựng mô hình trình diễn đã chuyển giao được các tiến bộ kỹ thuật đưa vào thực tiễn sản xuất đem lại những kết quả tích cực, tạo ra sự chuyên biến lớn về năng suất, chất lượng đã và đang nhân rộng trên nhiều địa bàn huyện, thị xã, thành phố cải thiện sinh kế và nâng cao thu nhập, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nổi bật là chương trình sản xuất lúa thuần chất lượng cao, sản xuất lúa theo hướng hữu cơ đảm bảo an ninh lương thực, chương trình phát triển cà phê bền vững, cà phê hữu cơ thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển cây ăn quả nâng cao hiệu quả kinh tế phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng; áp dụng công nghệ chăn nuôi chuồng kín, chăn nuôi không mùi, công nghệ xử lý chất thải theo hướng an toàn sinh học, sử dụng giống sạch bệnh, sản xuất theo hướng VietGAP, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tuy đã đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng việc triển khai thực hiện các mô hình khuyến nông chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của người dân do nguồn kinh phí hạn chế, các mô hình chủ yếu tập trung trong lĩnh vực chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, chưa đáp ứng được các yêu cầu mới của sản xuất nhất là về việc tiếp cận thị trường; sản xuất theo chuỗi giá trị...

5. Công tác tư vấn và dịch vụ khuyến nông, giống nông nghiệp

5.1. Công tác phát triển giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản tỉnh Đắk Lắk (cũ)

Giống cây trồng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao sản lượng và chất lượng, tạo sự bền vững cho chuỗi sản xuất nông sản, góp phần đảm bảo an ninh lương thực. Nguồn giống tốt, chất lượng thì việc sản xuất nông nghiệp có

được khởi đầu tốt phù hợp với định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp phát triển bền vững và đáp ứng nhu cầu thị trường. Xã hội hóa trong công tác phát triển giống nông nghiệp phối hợp với các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp tham gia sản xuất và cung ứng giống đảm bảo chất lượng cho nông dân nhằm tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh sản phẩm, cụ thể như sau:

- Về giống cây trồng:

Nhằm đảm bảo nguồn cung cấp giống cây cà phê cho chương trình tái canh, đồng thời quản lý tốt chất lượng cây giống để đạt hiệu quả cao, thì công tác bình tuyển, công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng và rà soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là nhiệm vụ hết sức cần thiết. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã công nhận được 21 cây đầu dòng (02 cây bơ, 12 cây sầu riêng, 02 cây nhãn và 05 cây vải); 15 vườn cây đầu dòng (07 vườn cà phê, 01 vườn Ca cao, 01 vườn mít nghệ cao sản, 03 vườn bơ 03 vườn chanh leo) và 01 vườn hạt lai đa dòng cà phê. Có 336 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.

Viện KHKT Nông lâm nghiệp Tây Nguyên đã thực hiện nghiên cứu, lai tạo, tuyển chọn 09 dòng cà phê vôi, gồm: TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, TR9, TR11, TR12, TR13... Đây là những dòng cà phê mới đạt năng suất cao từ 4,2- 7 tấn cà phê nhân/ha, chất lượng tốt, có cỡ hạt lớn đạt loại 1 trên 65%, kháng cao với bệnh gỉ sắt, tăng khả năng cạnh tranh mặt hàng xuất khẩu cà phê trên thị trường thế giới, trong đó có 4 dòng cà phê vôi chín muộn: TR9, TR11, TR12, TR13 nhằm chuyển dần thời gian thu hoạch cà phê vào đúng mùa khô không những thuận lợi trong việc thu hoạch, bảo đảm chất lượng cà phê không bị hư hỏng do mưa trong quá trình phơi sấy mà còn giảm được lượng nước tưới cho cây cà phê trong mùa khô. Xây dựng vườn sản xuất hạt giống cà phê vôi bằng các dòng vô tính chọn lọc; sản xuất và cung cấp 5-7 tấn hạt giống lai đa dòng TRS1/năm. Trung tâm đã phối hợp với các đơn vị tổ chức sản xuất và cung ứng giống cà phê phục vụ chương trình tái canh của tỉnh giai đoạn 2021-2025, cung ứng được 395.000 cây cà phê giống cho người nông dân trồng tái canh trên địa bàn tỉnh.

- Về giống chăn nuôi: Tỉnh Đắk Lắk rất chú trọng việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong sản xuất giống vật nuôi góp phần làm tăng đàn gia súc, gia cầm và gia tăng giá trị ngành chăn nuôi của tỉnh. Trên địa bàn tỉnh hiện có trên 3.600 trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ, vừa, lớn (tăng trên 500 trang trại so với năm 2020) và từ năm 2021 đến nay, toàn tỉnh có 51 dự án đề xuất đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, đến nay đã có 13 dự án được cấp chủ trương đầu tư với tổng vốn đầu tư đề xuất khoảng 1.973 tỷ đồng như các dự án: Khu tổ hợp chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao DHN Đắk Lắk (tại xã Ea M'Droh, huyện Cư M'gar) quy mô 45,07 ha đầu tư dự án sản xuất lợn giống phẩm cấp cụ kỳ, ông bà đã đi vào sản xuất giai đoạn 01 với quy mô 2.000 con lợn nái sinh sản tại xã Ea M'Droh, huyện Cư M'gar (có gắn chip theo dõi cho từng cá thể); Nhà máy ấp trứng gia cầm của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt

Nam tại xã Pong D'Rang, huyện Krông Búk có công suất thiết kế lên đến 40 triệu con gà con mỗi năm...

- Về giống thủy sản: Các cơ sở ương dưỡng trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt công tác ương san và cung cấp con giống đảm bảo chất lượng cho người nuôi trồng thủy sản. Giai đoạn 2021-2025, tổng sản lượng cá bột đạt khoảng 3.620 triệu con; tổng sản lượng cá giống đạt khoảng 330 triệu con. Bên cạnh đó, tỉnh Đắk Lắk đã triển khai nuôi trồng các loài thủy sản mới, có giá trị kinh tế cao: Có 03 cơ sở nuôi cá nước lạnh (cá tầm) có tổng diện tích mặt nước sử dụng 8,2 ha với tổng số lượng cá thả nuôi khoảng 562.000 con. Ngoài ra, có 03 cơ sở nuôi tôm càng xanh thương phẩm (HTX nuôi trồng thủy sản Tôm càng xanh tại xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar và 02 cơ sở nuôi tôm càng xanh tại xã Cư M'lan, huyện Ea Súp).

5.2. Công tác thử nghiệm, sản xuất thử và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất của tỉnh Đắk Lắk (cũ)

Nhằm phát huy vai trò then chốt, động lực và gắn nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của nông sản địa phương. Từ năm 2021 đến nay, UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) đã giao Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị tư vấn đề xuất đặt hàng, tiến hành thông báo tuyển chọn trình phê duyệt và triển khai thực hiện, đạt được nhiều kết quả rất tích cực trên nhiều lĩnh vực trọng tâm góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, bám sát 04 chương trình theo Nghị quyết đề ra (Chương trình Khoa học Xã hội và Nhân văn, Giáo dục và đào tạo; Chương trình KHCN hỗ trợ phát triển nông nghiệp và biến đổi khí hậu; Chương trình KHCN nâng cao năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ và phát triển công nghệ, lĩnh vực khác; Chương trình ứng dụng công nghệ sinh học, bảo tồn, phát triển gen; y dược và chăm sóc sức khỏe cộng đồng). Những kết quả nhiệm vụ KHCN thể hiện trên các lĩnh vực như sau:

- Tập trung nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp chế biến của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, phát triển chuỗi sản phẩm cà phê chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột.

Giải pháp tiếp cận và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm OCOP đạt chuẩn của tỉnh Đắk Lắk (cũ) tại thị trường Cộng Hòa Liên Bang Đức. Tập trung nghiên cứu, đánh giá chất lượng cây ăn quả có múi đang phát triển trên địa bàn tỉnh; chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu; Xây dựng mô hình chuỗi cung ứng ngắn với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực; xây dựng mô hình mẫu OCOP (Mỗi xã một sản phẩm) dựa vào cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk; Áp dụng một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng sinh sản của đàn bò thịt tại tỉnh Đắk Lắk (cũ); Ứng dụng công nghệ mới Aquamimicry trong nuôi thâm canh cá rô phi tại tỉnh Đắk Lắk (cũ); Đánh giá thực trạng phát triển cây Mắc ca và đề xuất vùng trồng thích hợp theo hướng an toàn có chứng nhận tại tỉnh Đắk Lắk (cũ); Xây dựng mô hình

quản lý chuỗi giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng hướng tới phát triển rừng bền vững gắn với giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nhiệm vụ mới đi sâu nghiên cứu khảo nghiệm một số dòng/giống sản mới kháng bệnh khảm lá có năng suất và hàm lượng tinh bột cao tại tỉnh Đắk Lắk; Thực trạng phát triển các mô hình nông nghiệp tuần hoàn ở tỉnh Đắk Lắk và kiến nghị giải pháp; Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây Gai xanh lấy sợi và sản xuất phân bón hữu cơ từ lá, thân sau tách sợi tại tỉnh Đắk Lắk; Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái, nhân giống và kỹ thuật gây trồng cây Kơ nia phục vụ cho trồng rừng và bảo tồn nguồn gen tại tỉnh Đắk Lắk (cũ).

- Lĩnh vực ứng phó biến đổi khí hậu, đánh giá các mô hình phát triển bền vững đối với một số cây trồng dễ bị tổn thương (cà phê, tiêu) trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu đánh giá trữ lượng nước ngầm trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu định lượng khả năng lưu trữ CO₂ của các trạng thái rừng và vùng trồng cao su tỉnh Đắk Lắk sử dụng dữ liệu ảnh vệ tinh viễn thám Landsat; Nghiên cứu giải pháp và công nghệ thu, trữ nước ngầm tầng nông kết hợp bơm sử dụng năng lượng tái tạo để cấp nước tưới cho cây công nghiệp của tỉnh Đắk Lắk trong điều kiện biến đổi khí hậu; Nghiên cứu hoàn thiện mô hình cảnh báo, dự báo thời tiết ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sâu bệnh hại trên cây Cà phê và Hồ tiêu tại tỉnh Đắk Lắk (cũ).

- Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ địa không gian xây dựng hệ thống hỗ trợ phân tích, quản lý tài nguyên rừng trong điều kiện biến đổi khí hậu ở tỉnh Đắk Lắk; ứng dụng dữ liệu viễn thám và GIS để dự báo, phân tích vùng khô hạn, đánh giá một số mô hình canh tác làm cơ sở định hướng phát triển nông lâm nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Đắk Lắk (cũ); Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ phát thải carbon thấp và chuyển đổi sinh khối biomass trong hệ thống sản xuất cà phê tại tỉnh Đắk Lắk (cũ).

Kết quả phát triển công nghệ đổi mới sáng tạo thiết bị sấy bơm nhiệt có hỗ trợ gia nhiệt bằng nguồn năng lượng tái tạo ứng dụng sấy một số loại nông sản, dược liệu có giá trị kinh tế tại tỉnh Đắk Lắk (cũ) giúp doanh nghiệp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm cạnh tranh trên thị trường.

Tổ chức sản xuất thử nghiệm các loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp, chế phẩm sinh học và các công nghệ mới đã được công nhận để đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương trước khi chuyển giao và nhân rộng vào trong thực tiễn sản xuất.

Hiện nay, tỉnh Đắk Lắk đang triển khai ứng dụng 19 mô hình, các đề tài ứng dụng xây dựng mô hình chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp chiếm 80%, các lĩnh vực khác chiếm 20%. Kết quả nổi bật trong sử dụng dây chuyền công nghệ chế biến các sản phẩm từ trái Bơ của Đắk Lắk thành các sản phẩm dầu bơ, kem bơ, bột bơ; xây dựng cơ sở nhân giống cây con và trồng cây dược liệu Đương quy Nhật Bản, cây Đinh lăng theo tiêu chuẩn GAP. Kết quả thực tế xây dựng 02 mô hình canh tác cây có múi theo VietGAP tại Đắk Lắk, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể cho 03 sản phẩm quả có múi tại Ea Kar: Cam sành Ea Kar, Cam soàn Ea Kar, Bưởi da xanh Ea Kar (Đơn vị sở

hữu nhân hiệu là Hợp tác xã Thủy lợi, nông nghiệp Cư Elang).

Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động dịch vụ nông nghiệp từ cấp tỉnh đến cơ sở thông qua Trạm Khuyến nông các huyện/thị xã/thành phố và hệ thống khuyến nông viên cơ sở, đặc biệt là thành lập 26 tổ khuyến nông cộng đồng với 256 thành viên là cán bộ khuyến nông đang làm việc tại hệ thống khuyến nông tỉnh, huyện, xã theo Đề án thí điểm “Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ khuyến nông cộng đồng” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) tại các vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn và thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025. Các tổ khuyến nông cộng đồng giúp kết nối hệ thống khuyến nông với cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức chính trị-xã hội, nghề nghiệp nhằm hỗ trợ người nông dân tốt hơn trong việc tổ chức lại sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các giải pháp hữu ích vào sản xuất, giúp cải thiện sinh kế, tăng thu nhập, góp phần xây dựng nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

Kết quả hoạt động bước đầu, Tổ Khuyến nông cộng đồng đã được Quỹ Thiện tâm hỗ trợ 01 máy vi tính và 01 điện thoại; Tham gia ký kết hợp đồng 03 bên giữa Doanh nghiệp Vĩnh Hiệp, Tổ Khuyến nông cộng đồng và HTX về sản xuất và tiêu thụ cà phê; Tham gia Diễn đàn @ Nông nghiệp “Khuyến nông cộng đồng trong xây dựng vùng nguyên liệu cà phê bền vững ở Tây Nguyên”; Đối thoại Khuyến nông cộng đồng trong xây dựng vùng nguyên liệu cà phê bền vững; Nắm bắt tình hình sản xuất nông nghiệp, chuyên gia kiến thức, kỹ thuật cho nông dân, đồng hành với nông dân; Tham gia tập huấn về nghiệp vụ Khuyến nông cộng đồng. Tuy nhiên, hiện số lượng tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả còn hạn chế, chủ yếu hoạt động mang tính phong trào, hình thức. Đa số các tổ khuyến nông cộng đồng đang gặp phải những khó khăn, thách thức, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ do năng lực của cán bộ tổ khuyến nông cộng đồng, điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực còn rất hạn chế (hầu như không có)...

Hiện nay đa số các hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông được thực hiện gắn với các nhiệm vụ khuyến nông của Nhà nước. Đối với việc hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông thu phí chưa thực hiện được do chưa có quy định về định mức, đơn giá dịch vụ khuyến nông.

5.3. Đổi mới về cơ cấu và đẩy mạnh xã hội hóa thu hút nguồn lực đầu tư cho hoạt động khuyến nông:

Đối với hệ thống khuyến nông nhà nước, thời gian qua tỉnh đã ưu tiên bố trí kinh phí cho hoạt động khuyến nông tỉnh (nay là Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường) tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm như: đảm bảo chi thường xuyên cho hoạt động thông tin tuyên truyền và đào tạo tập huấn khuyến nông (chiếm 30% tổng kinh phí khuyến nông hằng năm); kinh phí xây dựng mô hình trình diễn khuyến nông (chiếm 70% tổng kinh phí khuyến nông hằng năm). Bên cạnh đó, huy động nguồn kinh phí đóng góp

của người dân (chiếm khoảng 30% tổng kinh phí hỗ trợ các vật tư thiết yếu) khi tham gia thực hiện các chương trình, dự án, mô hình trình diễn khuyến nông.

Đây mạnh xã hội hóa công tác khuyến nông và phát triển giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản nhằm huy động, thu hút nguồn lực của các doanh nghiệp. Theo đó, đồng hành cùng với Chương trình tái canh cà phê của tỉnh, thông qua chương trình Hợp tác Công tư (PPP), Công ty TNHH Nestlé Việt Nam phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Viện KHKT Nông lâm nghiệp Tây Nguyên tổ chức hỗ trợ cây giống cà phê cho người dân tại 14 huyện/thị xã/thành phố với hình thức hỗ trợ giá 1.000 đồng/cây giống. Giai đoạn 2021-2025, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam đã hỗ trợ 24.096.664 cây giống cà phê cho 29.985 nông dân (bình quân 5.900 nông dân/năm), bình quân cung cấp khoảng 4.800.000 cây giống/năm ; đồng thời, hỗ trợ người dân nâng cao kiến thức sản xuất cà phê bền vững thông qua việc tổ chức 746 lớp tập huấn hiện trường (FFS) được tổ chức ngay trên vườn cà phê cho 27.181 nông dân. Thông qua đó, tạo điều kiện cho bà con tiếp cận, học hỏi và chia sẻ lẫn nhau về các thực hành nông nghiệp tốt hơn ngay trên đồng ruộng từ đó dễ dàng và mạnh dạn hơn trong việc áp dụng vào chính vườn cà phê của gia đình mình.

Ngoài ra, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam đã tổ chức 60.577 đợt tham vấn và hướng dẫn kỹ thuật cho bà con nông dân (bình quân khoảng 12.000 đợt/năm). Thông qua các đợt tham vấn tại đồng ruộng, có thể đánh giá được tình hình thực tế của chương trình tái canh cà phê và nhu cầu của người dân, các chủ đề sau các lớp tập huấn có được người dân áp dụng vào sản xuất hay chưa để có hướng cải tiến trong thời gian đến.

Bên cạnh đó, Tổ chức Diễn đàn Cà phê Toàn cầu (Global Coffee Platform) đã phát triển dự án “Sử dụng có trách nhiệm các đầu vào nông nghiệp cho cà phê” triển khai từ năm 2020 đến năm 2025 tại Tây Nguyên, trong đó tại tỉnh Đắk Lắk thực hiện một số hoạt động như: Nói về vấn đề chất thải đầu vào nông nghiệp tại Krông Năng; Tọa đàm về vấn đề chất thải đầu vào nông nghiệp tại huyện Ea Hlêo; Tập huấn tăng cường kiểm tra, kiểm soát sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; Đào tạo ToT cho hệ thống khuyến nông cộng đồng; Đào tạo sử dụng thuốc trừ sâu IPHM cho người nông dân trồng cà phê. Qua các hoạt động trên, nhằm giảm thiểu tình trạng lạm dụng hóa chất nông nghiệp, đặc biệt là glyphosate, bằng cách thúc đẩy việc sử dụng hóa chất có trách nhiệm và quản lý cỏ dại sinh thái trong số những người trồng cà phê, thay đổi về hành vi của nông dân trong việc nhận ra “cỏ dại là đồng minh” và áp dụng các biện pháp quản lý cỏ dại sinh thái (đặc biệt là các kỹ thuật cắt cỏ dại cao), dẫn đến cải thiện chất lượng đất (cấu trúc, hàm lượng mùn, duy trì độ ẩm), tăng đa dạng sinh học và giảm tỷ lệ sâu bệnh, đồng thời cải thiện năng suất và chất lượng hạt cà phê.

Với sự đồng hành của doanh nghiệp, công tác khuyến nông đã khuyến khích được nông dân giảm lượng nước tưới gần 40% so với trước đây, giảm lượng thuốc BVTV và phân bón hóa học khoảng 20% so với trước đây, đặc biệt là một số vùng đã giảm mạnh và không sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc hóa học cho cây cà phê, hạn chế sử dụng thuốc trừ cỏ thông qua việc áp dụng các

thực hành làm cỏ bằng tay hoặc bằng máy. Nông dân tiếp tục được tập huấn và áp dụng tương đối tốt trong việc quản lý kinh tế nông hộ thông qua ghi chép và lưu giữ nhật ký nông hộ hay biết sử dụng nhật ký nông hộ trên thiết bị thông minh (điện thoại, máy tính) để giúp nông dân có thể cập nhật số liệu được chính xác và kịp thời, hạn chế việc viết tay và tính toán thủ công.

6. Kinh phí thực hiện

6.1. Tỉnh Đắk Lắk (cũ)

Giai đoạn 2021-2025, kết quả kinh phí từ ngân sách nhà nước được giao sử dụng thực hiện công tác khuyến nông và thực hiện Chương trình khuyến nông - phát triển giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản khoảng 13.125 triệu đồng (NSNN tỉnh là 9.427 triệu đồng; NSNN cấp huyện là 3.698 triệu đồng) chiếm 48% tổng kinh phí NSNN theo kế hoạch bố trí vốn của Chương trình nêu trên:

- Đối với NSNN tỉnh bố trí cho Trung tâm Khuyến nông – Giống cây trồng vật nuôi và Thủy sản thực hiện Chương trình với tổng số tiền là 9.427 triệu đồng, chiếm 72% tổng kinh phí được giao sử dụng. Trên cơ sở đó, Trung tâm Khuyến nông – Giống cây trồng vật nuôi và Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện là 4.833 triệu đồng (chiếm 51% so với NSNN được giao sử dụng), người dân đóng góp là 1.551 triệu đồng (mô hình do TTKN – GCTVN&TS tỉnh triển khai) để thực hiện Chương trình nêu trên.

- Đối với NSNN cấp huyện (Ea Súp, Ea H'leo, Krông Pắc, Krông Năng, Buôn Đôn, Ea Kar, Cư M'gar) có tổng kinh phí thực hiện là 3.698 triệu đồng, chiếm 28% tổng kinh phí NSNN được giao sử dụng của cấp tỉnh và cấp huyện.

6.2. Tỉnh Phú Yên (trước đây)

Kết quả kinh phí thực hiện Chương trình Khuyến nông giai đoạn năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên là khoảng 5.944 triệu đồng, chiếm 41% tổng kinh phí NSNN theo kế hoạch bố trí vốn của Chương trình (tại QĐ số 1802/QĐ-UBND ngày 13/10/2020, QĐ số 1127/QĐ-UBND ngày 25/8/2023, QĐ số 1259/QĐ-UBND ngày 17/9/2024, QĐ số 52/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Phú Yên cũ) và chiếm 47% kinh phí NSNN (tỉnh) giao sử dụng thực hiện Chương trình khuyến nông.

(Chi tiết có Phụ lục 1,2 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác khuyến nông ở địa phương luôn bám sát, triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ); Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ); Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây); Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) đã thể hiện được tính ổn định, hiệu quả, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể để

phân bổ kinh phí thực hiện các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn hai tỉnh. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trong giai đoạn 2021 - 2025 đã được bố trí sử dụng hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng và theo đúng quy định của các Nghị quyết. Các hoạt động khuyến nông được triển khai đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu của người dân. Chất lượng các hoạt động khuyến nông được nâng cao, hiệu quả công tác tuyên truyền, tập huấn được tăng cường. Nông dân được tiếp cận nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới áp dụng vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao đời sống cho người nông dân trên địa bàn hai tỉnh.

Mặc dù các Nghị quyết Nghị (1) Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; (2) Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND; (3) Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên; (4) Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, với tình hình thực tế của tỉnh Đắk Lắk mới sau sáp nhập, việc áp dụng các nội dung chi và mức cho hỗ trợ trong 04 Nghị quyết trên chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hiện nay, các nội dung chi, mức chi không thống nhất giữa tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tỉnh Phú Yên (trước đây) và rất cần ban hành Nghị quyết mới thay thế để phù hợp với tình hình thực tế, góp phần mang lại hiệu quả cho các hoạt động khuyến nông triển khai thực hiện trong thời gian tới.

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Để phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Đắk Lắk mới sau khi sáp nhập, đồng thời triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 84/2021/TT-BTC, ngày 04/10/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Trên cơ sở rà soát, đánh giá việc thực hiện 04 Nghị quyết trên, nhằm phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những bất cập để phù hợp với thực tế của tỉnh Đắk Lắk mới sau sáp nhập, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét chấp thuận về

việc đề nghị xây dựng Nghị quyết mới quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thay thế cho 04 Nghị quyết gồm: (1) Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; (2) Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND; (3) Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên; (4) Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tỉnh Phú Yên (trước đây), Sở Nông nghiệp và Môi trường kính gửi UBND tỉnh chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Lưu: VT, TTKN (Vinh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Thị Thủy

Phụ lục 1:
Kinh phí thực hiện công tác khuyến nông và phát triển giống nông nghiệp
tỉnh Đắk Lắk (cũ) giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung	Vốn kế hoạch theo Chương trình (QĐ số 2789/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ))		Kinh phí được giao sử dụng và kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025 (đồng)				Tổng cộng NSNN cấp tỉnh, huyện thực hiện (đồng)
		NSNN (đồng)	Đối ứng (đồng)	Kinh phí NSNN cấp tỉnh		Dân đóng góp (đối với mô hình khuyến nông do TTKN triển khai thực hiện)	NSNN cấp huyện	
				NSNN được giao sử dụng	Kinh phí thực hiện			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (6) + (8)
	Tổng cộng	27.310.000.000	6.680.000.000	9.427.000.000	4.833.879.101	1.551.650.850	3.698.915.484	13.125.915.484
A	Hoạt động khuyến nông thường xuyên	3.840.000.000		1.323.500.000	612.738.144		556.000.000	1.168.738.144
1	Trang Thông tin điện tử khuyến nông	130.000.000		60.000.000	13.607.000			13.607.000
2	In tờ rơi , giấy chứng nhận	100.000.000		18.000.000	18.000.000			18.000.000
3	Tập huấn NCNL khuyến nông cho CB làm CT KN	1.300.000.000		552.500.000	141.947.944			141.947.944
4	Tập huấn NCNL khuyến nông cho nông dân	2.100.000.000		648.000.000	394.183.200		556.000.000	950.183.200
5	Tham quan học tập (TTKN thực hiện)	210.000.000		45.000.000	45.000.000			45.000.000
B	Xây dựng mô hình các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh	18.640.000.000	6.260.000.000	7.644.500.000	3.796.939.007	1.534.716.850	2.948.220.114	6.745.159.121
I	Cây trồng	12.740.000.000	4.610.000.000	4.799.500.000	2.102.453.145	881.238.950	1.674.146.656	3.776.599.801
1	Phát triển cây lương thực bền vững thích	1.460.000.000	460.000.000	1.188.500.000	625.261.600	251.813.000	742.059.796	1.367.321.396

TT	Nội dung	Vốn kế hoạch theo Chương trình (QĐ số 2789/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ))		Kinh phí được giao sử dụng và kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025 (đồng)				Tổng cộng NSNN cấp tỉnh, huyện thực hiện (đồng)
		NSNN (đồng)	Đối ứng (đồng)	Kinh phí NSNN cấp tỉnh		Dân đóng góp (đối với mô hình khuyến nông do TTKN triển khai thực hiện)	NSNN cấp huyện	
				NSNN được giao sử dụng	Kinh phí thực hiện			
	ứng với biến đổi khí hậu							
2	Canh tác cây cà phê bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu	1.530.000.000	510.000.000	972.000.000	269.688.100	107.574.000	278.650.000	548.338.100
3	Phát triển cây ăn quả có hiệu quả kinh tế phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng	1.710.000.000	570.000.000	1.384.000.000	856.898.340	371.031.050	449.303.260	1.306.201.600
4	MH tái canh - sản xuất hồ tiêu bền vững, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)	1.630.000.000	440.000.000	180.000.000				
5	MH ứng dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm, phát triển sản xuất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu	1.230.000.000	560.000.000					
6	MH trồng điều, ca cao thâm canh	900.000.000	450.000.000	657.000.000	221.223.250	103.835.800		221.223.250
7	MH phát triển cây lâm nghiệp, cây hương liệu, dược liệu theo hướng sản xuất bền vững	1.340.000.000	420.000.000	198.000.000	87.565.530	30.163.100	86.441.800	174.007.330
8	MH trồng rừng bằng cây gỗ lớn, gỗ nguyên liệu gắn với khoanh nuôi, bảo vệ phát triển rừng	1.400.000.000	600.000.000					
9	Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau - hoa - khuyến nông đô thị	1.540.000.000	600.000.000	220.000.000	41.816.325	16.822.000	117.691.800	159.508.125
II	Vật nuôi	3.860.000.000	1.140.000.000	1.936.000.000	1.219.890.602	451.885.100	1.122.109.628	2.342.000.230

TT	Nội dung	Vốn kế hoạch theo Chương trình (QĐ số 2789/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ))		Kinh phí được giao sử dụng và kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025 (đồng)				Tổng cộng NSNN cấp tỉnh, huyện thực hiện (đồng)
		NSNN (đồng)	Đối ứng (đồng)	Kinh phí NSNN cấp tỉnh		Dân đóng góp (đối với mô hình khuyến nông do TTKN triển khai thực hiện)	NSNN cấp huyện	
				NSNN được giao sử dụng	Kinh phí thực hiện			
1	Mô hình chăn nuôi gia súc nhai lại (bò, dê...), trồng cỏ chăn nuôi theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường	1.360.000.000	340.000.000	1.080.000.000	710.009.402	258.335.100	997.481.900	1.707.491.302
2	Mô hình chăn nuôi gia cầm ATSH gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm	1.210.000.000	440.000.000	856.000.000	509.881.200	193.550.000	124.627.728	634.508.928
3	Mô hình chăn nuôi heo ATSH gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm	1.290.000.000	360.000.000					
III	Khuyến ngư	2.040.000.000	510.000.000	909.000.000	474.595.260	201.592.800	151.963.830	626.559.090
1	Mô hình nuôi cá lồng bè đảm bảo an toàn thực phẩm	1.200.000.000	300.000.000	909.000.000	474.595.260	201.592.800	144.618.730	619.213.990
2	Mô hình nuôi cá ao đảm bảo an toàn thực phẩm	840.000.000	210.000.000				7.345.100	7.345.100
C	Thử nghiệm, khảo nghiệm	1.680.000.000	420.000.000	45.000.000	44.884.700	16.934.000	194.695.370	239.580.070
1	Thử nghiệm giống, chế phẩm sinh học trong chăn nuôi	900.000.000						
2	Thử nghiệm thủy sản	180.000.000	420.000.000				15.925.000	15.925.000
3	Thử nghiệm giống, chế phẩm sinh học trong trồng trọt	600.000.000		45.000.000	44.884.700	16.934.000	178.770.370	223.655.070
D	Công tác phát triển giống	3.150.000.000		414.000.000	379.317.250			379.317.250

TT	Nội dung	Vốn kế hoạch theo Chương trình (QĐ số 2789/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ))		Kinh phí được giao sử dụng và kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025 (đồng)				Tổng cộng NSNN cấp tỉnh, huyện thực hiện (đồng)
		NSNN (đồng)	Đối ứng (đồng)	Kinh phí NSNN cấp tỉnh		Dân đóng góp (đối với mô hình khuyến nông do TTKN triển khai thực hiện)	NSNN cấp huyện	
				NSNN được giao sử dụng	Kinh phí thực hiện			
1	Hỗ trợ chương trình cải tạo đàn bò bằng thụ tinh nhân tạo (mua khí ni tơ bảo quản tinh bò)	1.450.000.000		414.000.000	379.317.250			379.317.250
2	Hỗ trợ tổ chức sản xuất giống lúa							
3	Hỗ trợ tổ chức sản xuất giống bò	1.000.000.000						
4	Hỗ trợ tổ chức sản xuất giống heo	700.000.000						

(Bảng chữ: Mười ba tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm mười lăm ngàn, bốn trăm tám mươi tư đồng)

Phụ lục 2:

Kinh phí thực hiện chương trình khuyến nông tỉnh Phú Yên (trước đây) giai đoạn 2021-2025
 (Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung	Vốn kế hoạch theo Chương trình (QĐ số 1802/QĐ-UBND ngày 13/10/2020, QĐ số 1127/QĐ-UBND ngày 25/8/2023, QĐ số 1259/QĐ-UBND ngày 17/9/2024, QĐ số 52/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Phú Yên trước đây)	Kinh phí NSNN được giao sử dụng và thực hiện giai đoạn 2021-2025 (đồng)		Ghi chú
			NSNN (tỉnh) được giao sử dụng	Kinh phí thực hiện (NSNN tỉnh)	
	Tổng cộng	14.471.166.200	12.760.842.200	5.944.833.944	
A	Chương trình khuyến nông chăn nuôi, trồng trọt	6.432.519.000	5.605.355.000	2.222.774.800	
I	Khuyến nông chăn nuôi	1.330.519.000	1.231.909.000	980.767.400	
1	Mô hình chăn nuôi bò vỗ béo	484.247.000	484.247.000	484.247.000	
2	Mô hình cơ giới hóa hỗ trợ máy thái cỏ	344.534.000	316.334.000	283.751.000	
3	Mô hình chế biến và dự trữ thức ăn để chủ động nguồn thức ăn cho gia súc nhai lại	253.000.000	214.590.000	212.031.400	
4	Mô hình chăn nuôi vịt sinh sản	248.000.000	216.000.000	0	Không giao nhiệm vụ
5	Mô hình cơ giới hóa hỗ trợ máy ép viên thức ăn chăn nuôi	738.000	738.000	738.000	
II	Khuyến nông trồng trọt	5.102.000.000	4.373.446.000	1.242.007.400	
1	Mô hình trồng thâm canh bưởi theo GAP (chuyển tiếp năm 2018)	14.463.000	14.463.000	14.463.000	
2	Mô hình trồng thâm canh cây mít (chuyển tiếp năm 2019)	36.500.000	36.500.000	36.500.000	
3	Mô hình cơ giới hóa hỗ trợ công cụ gieo hạt	43.409.000	43.409.000	43.409.000	
4	Mô hình sản xuất lúa chất lượng	791.009.000	733.009.000	281.009.000	

TT	Nội dung	Vốn kế hoạch theo Chương trình (QĐ số 1802/QĐ-UBND ngày 13/10/2020, QĐ số 1127/QĐ-UBND ngày 25/8/2023, QĐ số 1259/QĐ- UBND ngày 17/9/2024, QĐ số 52/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Phú Yên trước đây)	Kinh phí NSNN được giao sử dụng và thực hiện giai đoạn 2021-2025 (đồng)		Ghi chú
			NSNN (tỉnh) được giao sử dụng	Kinh phí thực hiện (NSNN tỉnh)	
5	Mô hình trồng thâm canh mía	344.519.000	334.519.000	144.519.000	
6	Mô hình hỗ trợ máy làm đất đa năng	724.024.000	595.620.000	489.383.400	
7	Mô hình tưới nhỏ giọt quần gốc cho cây ăn quả các loại	59.876.000	59.876.000	59.876.000	
8	Mô hình tưới nhỏ giọt theo hàng cho cây ăn quả, cây công nghiệp các loại	2.200.000	2.200.000	2.200.000	
9	Mô hình sản xuất ngô sinh khối	1.300.000.000	1.078.000.000	0	
10	Mô hình trồng rừng thâm canh keo lai vô tính (trồng rừng gỗ lớn)	600.000.000	431.260.000	170.648.000	
11	Mô hình sản xuất nha đam theo hướng hữu cơ	850.000.000	740.000.000	0	Không giao nhiệm vụ
12	Mô hình sản xuất măng tây theo hướng hữu cơ	336.000.000	304.590.000	0	Không giao nhiệm vụ
B	Khuyến nông thủy sản	2.939.799.300	2.462.789.300	1.040.834.200	
1	Mô hình nuôi chình thương phẩm trong ao đất 2020-2022	93.564.000	93.564.000	93.564.000	
2	Mô hình nuôi lươn thương phẩm trong bể 2020-2021	52.792.800	52.792.800	52.792.800	
3	Mô hình nuôi chình thương phẩm trong bể	148.385.000	148.385.000	118.031.200	
4	Mô hình nuôi lươn thương phẩm	634.442.500	447.252.500	322.970.400	
5	Mô hình nuôi cá thát lát thương phẩm	358.000.000	311.600.000	87.845.000	
6	Mô hình nuôi cá rô phi thương phẩm	279.000.000	242.450.000	45.141.800	

TT	Nội dung	Vốn kế hoạch theo Chương trình (QĐ số 1802/QĐ-UBND ngày 13/10/2020, QĐ số 1127/QĐ-UBND ngày 25/8/2023, QĐ số 1259/QĐ- UBND ngày 17/9/2024, QĐ số 52/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Phú Yên trước đây)	Kinh phí NSNN được giao sử dụng và thực hiện giai đoạn 2021-2025 (đồng)		Ghi chú
			NSNN (tỉnh) được giao sử dụng	Kinh phí thực hiện (NSNN tỉnh)	
7	Mô hình nuôi cá mú (cá song) thương phẩm trong ao đất	399.147.000	259.897.000	119.435.000	
8	Mô hình nuôi cua biển thương phẩm	217.728.000	217.728.000	201.054.000	
9	Mô hình ứng dụng máy chỉ báo dòng chảy trên tàu khai thác hải sản	756.740.000	689.120.000	0	Không giao nhiệm vụ
C	Chương trình khuyến nông Huấn luyện, đào tạo, thông tin, tuyên truyền	5.098.847.900	4.692.697.900	2.681.224.944	0
1	Chương trình tập huấn phổ cập	309.108.000	309.108.000	280.955.000	
2	Tập huấn tại hiện trường	1.919.692.900	1.767.742.900	931.936.944	
3	Tổ chức học tập ngoài tỉnh	940.900.000	798.300.000	517.423.000	
4	Hội nghị, hội thảo chuyên đề nông nghiệp cho nông dân	337.240.000	321.344.000	120.904.000	
5	Các chuyên mục tuyên truyền trên báo, đài	1.308.904.000	1.252.904.000	739.804.000	
6	Trang thông tin điện tử Khuyến nông Phú Yên	283.003.000	243.299.000	90.202.000	

(Bảng chữ: Năm tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn, chín trăm bốn mươi bốn đồng)